

NICKEL® 270

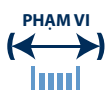
➤ Đặc điểm chính

Một loại niken có độ tinh khiết cao được chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho *khách hàng của chúng tôi*



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

NICKEL® 270 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Bảng dữ liệu kỹ thuật **AWS 074 Rev.1**

NICKEL® 270



Nickel® 270 còn được gọi là HPM 270 Nickel.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	-	W.NR 2.4050 UNS N02270 AWS 074	Một loại niken có độ tinh khiết cao được chế tạo bằng phương pháp luyện kim bột.	Nhiệt kế điện trở. Các thành phần cho hydro thyatron. Linh kiện điện / điện tử.
Ni + Co	99.0	-				
Cu	-	0.01				
Fe	-	0.05				
Mn	-	0.003				
C	-	0.05				
S	-	0.003				
Ti	-	0.005				
Mg	-	0.005				
Si	-	0.005				
Al	-	0.005				

Nhiệt độ	8.89 g/cm³	0.321 lb/in³
Điểm nóng chảy	1454°C	2650°F
Hệ số giãn nở	13.3 µm/m °C (20 – 100°C)	7.4 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)
Mô-đun độ cứng	82 kN/mm²	11893 ksi
Mô đun đàn hồi	207 kN/mm²	30000 ksi

Điện trở suất	
7.5 µΩ • cm	45 ohm • circ mil/ft

Khả năng dẫn nhiệt	
86 W/m • °C	595 btu • in/ft² • h • °F

Thuộc tính			
Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối
	N/mm²	ksi	
Ủ	300 – 450	44 – 65	Độ bền kéo và độ giãn dài giảm đáng kể ở nhiệt độ trên 315°C (600°F). Nhiệt độ hoạt động phụ thuộc vào môi trường, tải trọng và phạm vi kích thước.
Kéo cứng	600 – 800	87 – 116	

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.

